

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - HUẾ
THÀNH PHỐ HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **31/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 29/9/2025

Về việc: *Ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HUẾ, THÀNH PHỐ HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thanh Xuân và ông Huỳnh Văn Đạm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Quốc Cường - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Huế tham gia phiên tòa:
Ông Hồ Vũ Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 42/2025/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2025 về việc: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/9/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Như Q, sinh năm 2000. Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường P, thành phố H. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Đăng Thanh V (Dang Thanh Vu P), sinh năm 1998. Địa chỉ: Số A P, F, AL C, United State. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Như Q trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Như Q và anh Phạm Đăng Thanh V đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 12/02/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại nhà của ba mẹ tại địa chỉ tổ dân phố H, phường P, thành phố H. C sống được một thời gian ngắn thì vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn và sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và cãi nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính nhau, anh V không quan tâm đến cuộc sống gia đình, bất đồng quan điểm sống. Chỉ một vấn đề nhỏ xảy ra trong gia đình cũng khiến vợ chồng cãi nhau. Chị Q đã nhiều lần tha thứ, hàn gắn, hòa giải với anh V nhưng không được. Đến tháng 6 năm 2020 thì anh V xuất cảnh sang Mỹ sinh sống và làm việc, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Hiện cuộc sống mỗi người tự lo liệu, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị Q nhận thấy anh Phạm Đăng Thanh V đã sinh sống ở Mỹ và vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên chị Q yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Đăng Thanh V để ổn định cuộc sống của mình.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Như Q trình bày vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhận được thư trả lời của anh Phạm Đăng Thanh V với nội dung:

Về hôn nhân: Anh Phạm Đăng Thanh V nhận thấy không còn tình cảm với chị Nguyễn Thị Như Q nên anh V đồng ý được ly hôn với chị Q để ổn định cuộc sống của nhau.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh Phạm Đăng Thanh V trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời, do điều kiện khó khăn nên anh Phạm Đăng Thanh V đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh V.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và những người tham gia tố tụng đều tuân theo pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Như Q được ly hôn anh Phạm Đăng Thanh V.

+ Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Như Q và anh Phạm Đăng Thanh V xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

+ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Như Q phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Phạm Đăng Thanh V đã có bản trình bày ý kiến của mình và có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh V.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Như Q và anh Phạm Đăng Thanh V kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 12/02/2020 nên hôn nhân là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính nhau. Hiện chị Q đã về nhà ba mẹ đẻ để sinh sống, vợ chồng mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau nữa.

Xét thấy, cuộc sống hôn nhân vợ chồng muốn hạnh phúc thì hai bên phải có tình cảm với nhau, phải chung sống, thương yêu và thông cảm cho nhau. Chị Q và anh V đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2020 cho đến nay, mỗi người sống một nơi, không còn liên lạc, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình trạng mâu thuẫn đã quá trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh V đồng ý ly hôn với chị Q nhưng không đến Tòa án được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị Q là chính đáng nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Như Q và anh Phạm Đăng Thanh V xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Như Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 470 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Áp dụng Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Như Q, cho chị Nguyễn Thị Như Q được ly hôn với anh Phạm Đăng Thanh V (Dang Thanh Vu P); quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Như Q và anh Phạm Đăng Thanh V xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Như Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí giải quyết ly hôn; được khấu trừ hết vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà chị Q đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003396 ngày 29/7/2025 của Thi hành án dân sự thành phố H.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 2 - Huế;
- Phòng THADS khu vực 2 - Huế;
- UBND xã Phong Điền, thành phố Huế
(cũ là ĐKKH số 15 ngày 12/02/2020 tại
UBND huyện Phong Điền, tỉnh Thừa
Thiên Huế);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thu Hằng